

# ĐO LƯỜNG VÀ ĐÁNH GIÁ THỤ HƯỞNG VĂN HÓA: KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VÀ BÀI HỌC CHO VIỆT NAM<sup>(\*)</sup>

Triệu Thanh Quang

Phạm Thị Thu Phương

Lê Văn Hùng

Nguyễn Ngọc Trung

**Tóm tắt:** Nâng cao đời sống văn hoá tinh thần của người dân là một yêu cầu đặt ra trong việc thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Để có cơ sở cho việc đánh giá và điều chỉnh chính sách đáp ứng yêu cầu này, việc đưa ra cơ sở lý luận và thực tiễn đo lường và đánh giá văn hóa là hết sức có ý nghĩa. Bài viết này dựa trên việc nghiên cứu kinh nghiệm của một số quốc gia, tổ chức quốc tế điển hình trong việc đo lường và đánh giá thụ hưởng văn hóa, đưa ra những gợi ý cho Việt Nam. Kết quả nghiên cứu chỉ ra rằng, kinh nghiệm quốc tế về xây dựng khung bộ chỉ số, cấu trúc bộ chỉ số, phương pháp đo lường và đánh giá mang lại cho Việt Nam những gợi ý quan trọng trong việc xây dựng bộ chỉ số đo lường và đánh giá thụ hưởng văn hóa.

**Từ khóa:** Bộ chỉ số; Phát triển văn hoá; Thụ hưởng văn hóa.

## Mở đầu

Trong những thập kỷ gần đây, văn hóa với vai trò là nhân tố trung gian, là động lực thúc đẩy phát triển bền vững ngày càng nhận được sự quan tâm của cộng đồng quốc tế, các chính phủ, các nhà nghiên cứu và các nhà hoạch định chính sách. Nhiều học giả xem văn hóa như trụ cột thứ 4 của phát triển bền vững bên cạnh các trụ cột kinh tế, xã hội, môi trường (Cultural Action Europe, 2017; VegheÈ, 2020; Zheng et al., 2021). Báo cáo của Liên Hợp Quốc cho rằng, văn hóa có thể là một động lực mạnh mẽ thúc đẩy phát triển bền vững nhờ đóng góp vào nền kinh tế và giảm nghèo, cũng như mang lại

nhiều lợi ích phi tiền tệ khác thông qua tăng cường hòa nhập xã hội, sự gắn kết cộng đồng, khả năng thích ứng, đổi mới, sáng tạo và tinh thần kinh doanh cho cá nhân và cộng đồng, sử dụng tài nguyên, kỹ năng và tri thức địa phương (UN System Task Team on the Post-2015 UN Development Agenda, 2012).

Mặc dù nội dung văn hóa chưa được đặt thành các mục tiêu riêng trong các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) thuộc Chương trình nghị sự 2030 của Liên Hợp Quốc nhưng nhiều khía cạnh của văn hóa đã được lồng ghép trong những mục tiêu đó. Nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng, thúc đẩy thụ hưởng văn hóa, cải thiện đời sống văn hóa góp phần thúc đẩy việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững (Pink, 2018; Van Hek & Kraaykamp, 2013; Vries, 2020; Zheng et al., 2021).

<sup>(\*)</sup>Bài viết là sản phẩm của đề tài "Xây dựng Bộ chỉ số Phát triển văn hóa tinh thần - đạo đức xã hội" thuộc Chương trình Xây dựng Bộ chỉ số đảm bảo an sinh quốc gia.

UNESCO đã phát triển một khung đánh giá mới - Bộ chỉ số Culture|2030 - nhằm đo lường mức độ đóng góp của văn hóa vào Chương trình Nghị sự 2030 và khuyến khích các hành động tích hợp văn hóa. Tuy vậy, ở cấp độ quốc gia, việc đánh giá đo lường mức độ thụ hưởng văn hóa, đời sống văn hóa như một chỉ báo để các chính phủ và chính quyền địa phương đưa ra các giải pháp nhằm cải thiện đời sống văn hóa tinh thần của người dân còn khá khiêm tốn. Tuy vậy, chủ đề này ngày nay đang thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu ở các quốc gia khác nhau.

Tại Việt Nam, vai trò của văn hóa đối với sự phát triển của đất nước được khẳng định ngay từ những ngày đầu thành lập nước và quan điểm này ngày càng được làm rõ theo thời gian. Chủ tịch Hồ Chí Minh trong số báo Cứu quốc ra ngày 8/10/1945 chỉ rõ “Trong công cuộc kiến thiết nước nhà, có bốn vấn đề cùng phải chú ý đến, cùng phải coi trọng ngang nhau là chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội” (Hồ Chí Minh, 2011, p.458). Các quan điểm về vai trò của văn hóa trong phát triển cũng như xây dựng nền văn hóa Việt Nam được khẳng định trong các văn kiện của Đảng qua các thời kỳ. Tiếp nối sự phát triển về nhận thức qua từng giai đoạn, Hội nghị Văn hóa toàn quốc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng về lĩnh vực văn hóa, có Tổng bí thư Nguyễn Phú Trọng nhấn mạnh: xây dựng, giữ gìn, chấn hưng và phát triển văn hóa của dân tộc là một yêu cầu cấp thiết. Trong đó, một trong những nhiệm vụ trọng tâm là “Nâng cao đời sống văn hoá của nhân dân; xây dựng đời sống văn hoá vui tươi, lành mạnh, hạnh phúc; khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển và hưởng thụ văn hoá giữa các vùng, miền của đất nước”(Nguyễn Phú Trọng, 2021). Do vậy, việc đánh giá đời sống văn hóa, việc thụ hưởng văn hóa của người dân là hết sức cần thiết, làm cơ sở cho việc

hoạch định các chính sách phát triển văn hóa nói chung và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững nói riêng. Tuy vậy, các nghiên cứu trong nước cho đến thời điểm hiện nay còn thiếu vắng những nghiên cứu về việc đo lường và đánh giá thụ hưởng văn hóa, đặc biệt là ở quy mô quốc gia.

Để thu hẹp khoảng trống nghiên cứu này, bài viết sẽ tập trung vào việc nghiên cứu các phương pháp đo lường và đánh giá thụ hưởng văn hóa trên thế giới. Trên cơ sở đó, nghiên cứu rút ra các bài học phù hợp cho Việt Nam trong việc đo lường và đánh giá sự phát triển trong thụ hưởng đời sống văn hóa. Bài viết sẽ tập trung làm rõ các câu hỏi nghiên cứu chính bao gồm: (1) Các quốc gia trên thế giới đo lường thụ hưởng văn hóa như thế nào? (2) Những chỉ số và phương pháp phổ biến trong đánh giá thụ hưởng văn hóa? (3) Việt Nam có thể học hỏi gì từ các mô hình quốc tế? Để trả lời cho các câu hỏi này, tác giả sử dụng các phương pháp chính là phân tích tài liệu thứ cấp (báo cáo, nghiên cứu quốc tế), trên cơ sở đó so sánh mô hình đo lường thụ hưởng văn hóa của một số quốc gia và đưa ra những gợi ý phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

### **1. Cơ sở lý luận về đo lường và đánh giá thụ hưởng văn hóa**

Văn hóa là một phạm trù rộng, có thể được hiểu theo nhiều góc độ khác nhau với các cách tiếp cận khác nhau. Hai cách hiểu phổ biến về văn hóa được chia theo nghĩa rộng và nghĩa hẹp (Nguyễn Trọng Chuẩn, 2021). Theo nghĩa rộng, văn hoá là trình độ phát triển về tinh thần và vật chất của nhân loại trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định; theo nghĩa hẹp, văn hóa là những hoạt động tinh thần của một xã hội, gồm có các lĩnh vực: giáo dục, khoa học, văn học, nghệ thuật, đạo đức (Nguyễn Phú Trọng, 2021). Trong các nghiên cứu về đo lường, đánh giá thụ hưởng văn hóa, văn hóa thường được tiếp cận theo nghĩa hẹp.

Theo đó, UNESCO (2009) cho rằng, thụ hưởng văn hóa bao gồm quyền tiếp cận, tham gia và sáng tạo văn hóa như một phần của quyền con người, gắn liền với phát triển bền vững. Trong khi đó, Throsby (2010) cho rằng thụ hưởng văn hóa là một quá trình có cả yếu tố tiêu dùng như việc sử dụng các sản phẩm văn hóa (sách, phim, nghệ thuật) và yếu tố sáng tạo như việc tham gia vào các hoạt động sản xuất, biểu diễn nghệ thuật. Như vậy, thụ hưởng văn hóa có thể được hiểu là quá trình cá nhân hoặc cộng đồng tiếp cận, tham gia và trải nghiệm các hoạt động văn hóa nhằm đáp ứng nhu cầu tinh thần, phát triển nhận thức và nâng cao chất lượng cuộc sống.

Các nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy, phần lớn các nghiên cứu đo lường phát triển văn hóa và thụ hưởng văn hóa dựa trên nền tảng lý thuyết vốn văn hóa của Pierre Bourdieu - một nhà xã hội học, triết học và nhân học người Pháp. Ông đã đưa ra những lý thuyết có ảnh hưởng lớn trong nghiên cứu về văn hóa và bất bình đẳng xã hội. Theo Bourdieu (1986), văn hóa được xem như một loại vốn bên cạnh vốn kinh tế (Economic capital), vốn xã hội (Social capital), và vốn biểu tượng (Symbolic capital). Theo Bourdieu (1984), thụ hưởng văn hóa phản ánh phân cấp trong xã hội. Ông cho rằng tiêu dùng văn hóa không chỉ đơn thuần là việc thể hiện sở thích cá nhân mà còn thể hiện sự phân cấp xã hội, địa vị xã hội của mỗi người. Và những người có vốn văn hóa cao hơn thường có xu hướng tiêu dùng các sản phẩm văn hóa cao cấp và được coi là có giá trị, trong khi những người có vốn văn hóa thấp hơn tiêu dùng văn hóa phổ thông đại chúng hoặc thấp hơn. Tiêu dùng văn hóa không chỉ thể hiện khả năng tài chính mà còn phụ thuộc vào vốn văn hóa mà mỗi người có.

Lý thuyết phát triển bền vững và tiếp cận dựa trên quyền cũng được sử dụng trong một

số đánh giá về phát triển văn hóa, đặc biệt là những báo cáo của UNESCO. Với việc xem văn hóa là quyền cơ bản của con người và việc thúc đẩy tiếp cận văn hóa và bảo tồn di sản văn hóa là một phần của việc bảo vệ các quyền này, UNESCO nhấn mạnh vai trò của văn hóa trong việc tăng cường quyền tiếp cận, tạo điều kiện để mọi người có thể tham gia và hưởng lợi từ văn hóa (UNESCO Institute of Statistics, 2009). Trên cơ sở đó, xây dựng các bộ chỉ số đánh giá liên quan đến đo lường thụ hưởng văn hóa của UNESCO tập trung vào 4 nội dung chính: (1) Thói quen tiêu dùng văn hóa (cách thụ hưởng văn hóa như xem phim, đọc sách, thăm quan bảo tàng, tham gia vào các sự kiện văn hóa và tần suất các loại hình tham gia); (2) Tiêu dùng các sản phẩm văn hóa (sách, âm nhạc, phim ảnh, sản phẩm văn hóa số như video và ứng dụng nghe nhạc); (3) Tham gia vào các hoạt động văn hóa cộng đồng (mức độ tham gia vào các sự kiện văn hóa cộng đồng, các dự án văn hóa); (4) Phân tầng trong tiêu dùng văn hóa (xác định mối quan hệ giữa các tầng lớp trong xã hội và việc tiêu dùng văn hóa) (ENCC, 2017).

Từ những lý luận trên, việc đo lường thụ hưởng văn hóa được tính toán xem xét dựa trên các chỉ số định lượng và định tính. Throsby (2010) cho rằng, đo lường thụ hưởng văn hóa dựa trên các chỉ số có tính định tính như mức độ hài lòng của người tham gia vào các hoạt động văn hóa, mức độ hiểu biết về văn hóa và các di sản văn hóa. Trong khi đó, UNESCO tập trung vào các chỉ số định lượng tham gia văn hóa (% dân số tham gia vào các hoạt động văn hóa, % hộ gia đình chi tiêu cho văn hóa); tiếp cận văn hóa (% dân số tiếp cận thư viện, bảo tàng, rạp chiếu phim, truy cập internet); tiêu thụ văn hóa (UNESCO, 2014; UNESCO Institute of Statistics, 2009). Tương tự như vậy, chỉ số đo lường thụ hưởng văn hóa ở Australia và một số nước Châu Âu được tính

bằng tỷ lệ người tham gia các hoạt động văn hóa, chi tiêu của hộ gia đình cho văn hóa và việc sử dụng công nghệ trong tiếp cận văn hóa.

## **2. Kinh nghiệm quốc tế trong đo lường và đánh giá thụ hưởng văn hóa**

Một số quốc gia xây dựng các khung chỉ số độc lập, trong khi một số quốc gia khác dựa trên khung chỉ số mà UNESCO phát triển. Phần lớn các đánh giá được thực hiện dựa trên các cuộc khảo sát xã hội học khác nhau. Trong khi, ở một số quốc gia, các đánh giá này cũng được lồng ghép trong các số liệu thống kê quốc gia.

### **2.1. Kinh nghiệm Australia**

Tại Australia, thụ hưởng văn hóa được phản ánh trong cả số liệu thống kê quốc gia và các cuộc khảo sát độc lập.

Ở quy mô thông kê quốc gia, từ năm 2007, Trung tâm Thống kê Văn hóa và Giải trí Quốc gia (National Centre for Culture and Recreation Statistics - NCCRS) thuộc Cục Thống kê Australia (The Australian Bureau of Statistics - ABS) với sự hỗ trợ của Hội đồng Bộ trưởng Văn hóa (The Cultural Ministers Council - CMC) phát triển một khung chỉ số đánh giá định kỳ về văn hóa và nghệ thuật cũng như đóng góp của nó đối với xã hội. Bộ chỉ số phản ánh các khía cạnh quan trọng của sản xuất và tiêu thụ nghệ thuật, lợi ích cá nhân và cộng đồng từ trải nghiệm nghệ thuật với mục tiêu là cung cấp một công cụ cho chính phủ, các cơ quan văn hóa và cộng đồng để theo dõi thành tựu của lĩnh vực nghệ thuật và văn hóa, vai trò của văn hóa đối với các chương trình kinh tế xã hội, cũng như sức sống và tác động văn hóa tại Australia.

Khung chỉ số được xây dựng dựa trên 3 trụ cột chính: phát triển kinh tế; giá trị văn hóa; sự tham gia và tác động xã hội. Theo đó, trụ cột phát triển kinh tế được phản ánh qua các chỉ báo: việc làm văn hóa, chi tiêu của hộ gia đình

cho văn hóa, chi tiêu của khách cho văn hóa, hỗ trợ của chính phủ cho văn hóa, hỗ trợ của khối tư nhân cho văn hóa, hoạt động tình nguyện trong văn hóa và nghệ thuật, những đóng góp kinh tế từ công nghiệp văn hóa; trụ cột giá trị văn hóa bao gồm các chỉ báo: tài sản văn hóa, nguồn nhân lực trong lĩnh vực nghệ thuật và văn hóa, bản sắc văn hóa, đổi mới sáng tạo về văn hóa, mức độ ảnh hưởng của văn hóa Australia trên toàn cầu; trụ cột sự tham gia và tác động xã hội bao gồm các chỉ báo: tham gia các sự kiện văn hóa (xem, nghe, thưởng thức) tham gia sáng tạo văn hóa (vẽ, hát, viết, trình diễn), tiếp cận văn hóa, giáo dục trong văn hóa và nghệ thuật. Bộ chỉ số được đo lường dựa trên nhiều dữ liệu khác nhau của Cục Thống kê Australia như tổng điều tra dân số, điều tra về việc làm, điều tra chi tiêu hộ gia đình, điều tra sử dụng thời gian. Theo Ferres và cộng sự (2011), mặc dù số liệu của Cục Thống kê hữu ích nhưng chưa đủ toàn diện để đo lường các mục tiêu đặt ra, do đó bộ chỉ số đã bổ sung sử dụng các nguồn đáng tin cậy khác của quốc tế, dữ liệu chính phủ liên bang, bang, vùng lãnh thổ được ghi nhận.

Ngoài đánh giá ở quy mô quốc gia, đo lường về thụ hưởng văn hóa cũng được thực hiện trong những nghiên cứu độc lập như Khảo sát Sự tham gia Nghệ thuật Quốc gia (The National Arts Participation Survey), nghiên cứu Lĩnh vực Văn hóa Australia (Australia Cultural Fields)

Khảo sát Sự tham gia Nghệ thuật Quốc gia là một khảo sát quy mô toàn quốc nhằm đo lường mức độ tham gia của người dân Úc vào các hoạt động nghệ thuật và văn hóa. Đây là một công cụ quan trọng giúp hiểu rõ hơn về sự tương tác của công chúng với nghệ thuật, từ đó hỗ trợ việc xây dựng và điều chỉnh các chính sách văn hóa. Hội đồng Nghệ thuật Australia (Australia Council for the Arts) là cơ quan thuộc chính phủ Australia, chuyên về việc hỗ

trợ và phát triển nghệ thuật trên toàn quốc và là tổ chức chịu trách nhiệm chính trong việc tiến hành và đánh giá khảo sát. Theo Lonergan Research (2020), khảo sát này nhằm thu thập dữ liệu chi tiết về cách người dân Úc tham gia vào các hoạt động nghệ thuật và văn hóa, bao gồm cả hình thức tham gia trực tiếp (như xem biểu diễn, thăm bảo tàng) và gián tiếp (như tiêu thụ nội dung nghệ thuật qua phương tiện truyền thông). Mục tiêu là cung cấp thông tin chính xác để định hình chính sách văn hóa và hỗ trợ ngành nghệ thuật phát triển.

Khảo sát được thực hiện định kỳ diễn ra vào các năm 2009, 2013, 2016, và 2019. Các chỉ báo chính trong khảo sát bao gồm: dân số tham gia vào các hoạt động nghệ thuật và văn hóa trong một khoảng thời gian nhất định; tần suất tham gia các hoạt động văn hóa và nghệ thuật của người dân; mức độ tham gia theo độ tuổi, giới tính, khu vực địa lý và nền tảng văn hóa; lý do người dân tham gia hoặc không tham gia vào các hoạt động nghệ thuật và văn hóa; mức độ tài chính người dân sẵn sàng chi tiêu cho nghệ thuật và các hoạt động văn hóa. Khảo sát được tiến hành thông qua bảng hỏi trực tuyến và phỏng vấn qua điện thoại. Đối tượng khảo sát là người dân Úc từ 15 tuổi trở lên, được chọn mẫu đại diện cho dân số. Thông qua khảo sát, Hội đồng Nghệ thuật Australia đã cung cấp những thông tin quan trọng về sự tương tác của người dân với nghệ thuật, từ đó hỗ trợ việc phát triển các chính sách và chương trình nhằm thúc đẩy sự phát triển văn hóa trong nước.

Nghiên cứu Lĩnh vực Văn hóa (Australia Australia Cultural Fields) bắt đầu từ năm 2014. Trong đó khảo sát về văn hóa được xây dựng trên nền tảng lý thuyết của Pierre Bourdieu. Theo đó, thụ hưởng văn hóa được đo lường dựa trên khảo sát quốc gia với 3 chiều cạnh: sự hiểu biết về văn hóa, thói quen tiêu dùng văn hóa, và tham gia vào các sự kiện

văn hóa với 6 nhóm văn hóa chính: truyền hình, thể thao, âm nhạc, di sản, văn học và nghệ thuật. Nghiên cứu được thực hiện thông qua phỏng vấn trực tuyến (Noble & Ang, 2018). Nghiên cứu sử dụng đa phương pháp để thu thập và phân tích dữ liệu lưu trữ, thống kê, khảo sát và phỏng vấn. Giới hạn mẫu đã được áp dụng trong quá trình sàng lọc mẫu chính để đảm bảo rằng có đại diện dân số theo độ tuổi và giới tính (Bennett et al., 2020).

## ***2.2. Kinh nghiệm Vương Quốc Anh***

Tại Anh, mặc dù không có một bộ chỉ số cụ thể, duy nhất đo lường và đánh giá thụ hưởng văn hóa, nhưng những nội dung liên quan đến chủ đề này được đề cập trong một số khảo sát về sự tham gia văn hóa (Taking Part Survey). Đây là một khảo sát quốc gia do chính phủ Vương quốc Anh thực hiện nhằm thu thập dữ liệu về mức độ tham gia của người dân vào các hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao và di sản. Khảo sát được thực hiện từ năm 2005 bởi Bộ Kỹ thuật số, Văn hóa, Truyền thông và Thể thao (Department for Digital, Culture, Media and Sport) phối hợp với Hội đồng Nghệ thuật Anh (Arts Council England), Cơ quan Di sản Anh (English Heritage) và Cơ quan Thể thao Anh (Sport England). Đây là một trong những nguồn dữ liệu quan trọng nhất để đánh giá mức độ tham gia và thụ hưởng văn hóa của người dân Anh. Khảo sát được thực hiện hàng năm đối với 10.000 người gồm người lớn từ 16 tuổi trở lên và trẻ em từ 5 đến 15 tuổi. Mẫu khảo sát được lựa chọn ngẫu nhiên để đảm bảo tính đại diện cho dân số Anh về độ tuổi, giới tính, thu nhập, khu vực địa lý và sắc tộc.

Về các chiều cạnh đo lường, khảo sát này đo lường nhiều chỉ số liên quan đến thụ hưởng văn hóa như: tham gia vào các hoạt động văn hóa và nghệ thuật thông qua đo lường số lần và tần suất tham gia vào các hoạt động như thăm bảo tàng, tham dự các buổi hòa nhạc,

biểu diễn nghệ thuật và đọc sách; tham gia hoạt động di sản thông qua đo lường sự tham gia vào các hoạt động liên quan đến di sản văn hóa, chẳng hạn như thăm các di tích lịch sử, địa điểm khảo cổ, hoặc các sự kiện văn hóa truyền thống; thói quen sử dụng phương tiện truyền thông thông qua đo lường cách thức và tần suất mà người dân sử dụng các phương tiện truyền thông để tiếp cận các nội dung văn hóa, như xem phim, nghe nhạc, hoặc truy cập các nội dung văn hóa trực tuyến.

Về phương pháp tính toán và phân tích: dữ liệu thô từ khảo sát được xử lý thông qua các phương pháp thống kê, bao gồm phân tích tần suất, phân tích nhân tố và phân tích hồi quy để xác định các xu hướng và mối liên hệ giữa các biến số. Các dữ liệu được phân tích theo nhiều chiều cạnh khác nhau, bao gồm độ tuổi, giới tính, khu vực địa lý và tình trạng kinh tế xã hội để hiểu rõ hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến mức độ tham gia văn hóa của người dân.

Theo Department for Digital, Culture, Media & Sport (2020), khảo sát cung cấp một nguồn dữ liệu phong phú và chi tiết về sự tham gia văn hóa của người dân Anh, giúp các nhà hoạch định chính sách và các tổ chức văn hóa hiểu rõ hơn về nhu cầu và sở thích của công chúng. Khảo sát này cũng theo dõi sự thay đổi về hành vi tham gia văn hóa theo thời gian, từ đó có thể đưa ra các dự báo và điều chỉnh chính sách kịp thời. Mặc dù khảo sát này rất toàn diện, nhưng nó có thể gặp phải các vấn đề về độ chính xác trong việc tự báo cáo của người trả lời, khi người tham gia có thể không nhớ chính xác tần suất hoặc loại hình hoạt động họ đã tham gia. Ngoài ra, việc khảo sát thông qua phỏng vấn trực tiếp và trực tuyến có thể dẫn đến sự khác biệt trong kết quả, đặc biệt là đối với các nhóm dân số khó tiếp cận hoặc không sử dụng internet.

### **2.3. Kinh nghiệm UNESCO**

Với mục tiêu thúc đẩy bảo tồn và phát huy di sản văn hóa thế giới cũng như thúc đẩy sự sáng tạo văn hóa, nghệ thuật và sự hiểu biết, tôn trọng giữa các nền văn hóa khác nhau, UNESCO đã sớm phát triển các bộ chỉ số làm công cụ đánh giá khoa học về đóng góp của văn hóa đối với sự phát triển của các quốc gia. Năm 2009, UNESCO phát triển Bộ Chỉ số Văn hóa vì Phát triển (Culture for Development Indicators - CDIS). Đây là bộ chỉ số đầu tiên nhằm đánh giá vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững, thử nghiệm tại 10 quốc gia. Tiếp đó, năm 2019, UNESCO tiếp tục mở rộng các chỉ số văn hóa trong khuôn khổ Bộ Chỉ số Văn hóa 2030 (Culture 2030 Indicators).

Chỉ số Văn hóa 2030 của UNESCO được phát triển để đo lường và theo dõi đóng góp của văn hóa trong việc thực hiện các Mục tiêu Phát triển Bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc, đặc biệt là trong Chương trình nghị sự 2030. Mục tiêu chính của bộ chỉ số này là cung cấp một khung đánh giá toàn diện về vai trò của văn hóa như một lĩnh vực hoạt động độc lập và vai trò xuyên suốt của nó trong các lĩnh vực khác, nhằm hỗ trợ việc ra quyết định chính sách dựa trên bằng chứng, cũng như thúc đẩy sự công nhận văn hóa trong phát triển bền vững (UNESCO, 2019). Tính đến nay, đã có 16 thành phố ở 15 quốc gia thí điểm sử dụng Bộ chỉ số này, trong đó có thành phố Huế của Việt Nam.

Bộ chỉ số được cấu trúc thành bốn chiều, mỗi chiều đại diện cho một khía cạnh khác nhau của phát triển bền vững và vai trò của văn hóa trong các lĩnh vực này: (1) Môi trường và khả năng chống chịu, (2) Sự thịnh vượng và sinh kế, (3) Kiến thức và kỹ năng và (4) Hòa nhập và sự tham gia, tạo nên 22 chỉ số. Theo đó, chiều cạnh môi trường và khả năng chống chịu thể hiện bằng các chỉ báo chi tiêu cho di sản, các thiết chế/cơ sở văn hóa qua bản đồ

không gian, và không gian mở dành cho văn hóa; chiều cạnh sự thịnh vượng và sinh kế gồm các chỉ số việc làm trong ngành văn hóa, chi tiêu của hộ gia đình dành cho các hoạt động hàng hóa và dịch vụ văn hóa, tài chính công cho văn hóa; chiều cạnh kiến thức và kỹ năng gồm giáo dục đa ngôn ngữ, giáo dục văn hóa và nghệ thuật; chiều cạnh hòa nhập và sự tham gia gồm tiếp cận văn hóa và tham gia văn hóa.

Về phương pháp, UNESCO sử dụng phương pháp tiếp cận tổng hợp, bao gồm cả dữ liệu định lượng và định tính để đo lường các chỉ số. UNESCO sử dụng dữ liệu hiện có và tận dụng dữ liệu từ các báo cáo quốc gia, các tổ chức quốc tế và các cơ quan thống kê, khảo sát và phỏng vấn với các chuyên gia và cộng đồng. Trên cơ sở đó, tổ chức này so sánh dữ liệu giữa các quốc gia và khu vực khác nhau để xác định xu hướng và điểm tương đồng/khác biệt.

Có thể nói, bốn chiều chính của Bộ chỉ số Văn hóa 2030 giúp cung cấp một bức tranh toàn diện về vai trò của văn hóa trong phát triển bền vững. Mặc dù Bộ chỉ số UNESCO không được thiết kế để tập trung đánh giá, đo lường mức độ thụ hưởng văn hóa của công dân tại mỗi quốc gia, mỗi chiều phản ánh một khía cạnh quan trọng của văn hóa và phát triển, từ kinh tế, xã hội, môi trường đến giáo dục. Bộ chỉ số này không chỉ giúp các quốc gia đo lường đóng góp của văn hóa mà còn hỗ trợ việc xây dựng chính sách phát triển văn hóa một cách toàn diện và bền vững.

### **3. Bài học và gợi ý cho việc đo lường và đánh giá thụ hưởng văn hóa ở Việt Nam**

Với mục tiêu nâng cao đời sống văn hoá của nhân dân, đồng thời nhằm khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển và hưởng thụ văn hoá giữa các vùng, miền trên cả nước, việc xây dựng Bộ chỉ số cho phép đánh giá mức độ thụ hưởng văn hóa của

người dân có ý nghĩa quan trọng giúp cho các cơ quan quản lý nhà nước điều chỉnh các chính sách, chương trình phát triển kinh tế - xã hội một cách phù hợp. Để có được một bộ chỉ số tốt, từ nghiên cứu các bộ chỉ số liên quan trên thế giới, một số bài học sau cần được quan tâm giải quyết.

Thứ nhất, xác định rõ mục tiêu của bộ chỉ số. Việc xác định rõ mục tiêu bộ chỉ số cho phép định hình cách tiếp cận, nội dung trọng tâm của bộ chỉ số. Chỉ số được xây dựng bởi Cục Thống kê Australia hướng đến việc chứng minh giá trị của văn hóa trong phát triển kinh tế - xã hội, nhấn mạnh các nội dung phát triển kinh tế, giá trị văn hóa và tác động xã hội. Khảo sát Sự tham gia văn hóa của Vương quốc Anh ưu tiên đánh giá mức độ tiếp cận của người dân. Trong khi đó, UNESCO quan tâm đến đo lường đóng góp của văn hóa cho các Mục tiêu Phát triển Bền vững. Việt Nam cũng đã thí điểm xây dựng bộ chỉ số UNESCO, do vậy việc làm rõ mục tiêu đo lường thụ hưởng văn hóa sẽ làm rõ sự khác biệt bên cạnh việc kế thừa những nội dung liên quan. Theo đó, để đảm bảo việc đo đạc mức độ thụ hưởng của người dân cũng như làm cơ sở cho việc đánh giá chính sách cần thể hiện được cả việc tiêu dùng văn hóa cũng như sáng tạo văn hóa của người dân đồng thời cho thấy năng lực cung ứng sản phẩm văn hóa của nhà nước ở các địa phương.

Thứ hai, xây dựng khung đo lường đa chiều với cơ sở lý luận rõ ràng. Lý luận của Bourdieu (1984) và Throsby (2010) về thụ hưởng văn hóa cũng như khung văn hóa của UNESCO (2019) cần được nghiên cứu, áp dụng một cách phù hợp cho mục tiêu đo lường thụ hưởng văn hóa. Đảm bảo bộ chỉ số bao phủ nhiều khía cạnh của thụ hưởng văn hóa, tiêu dùng văn hóa, sáng tạo văn hóa và mức độ hài lòng của người dân trong tiếp

cận và sử dụng các sản phẩm văn hóa. Khung bộ chỉ số không chỉ cần phản ánh được các đặc trưng văn hóa riêng như văn hóa cộng đồng, di sản phi vật thể và vai trò của nghệ thuật truyền thống trong đời sống xã hội mà còn cần đảm bảo phù hợp với điều kiện Việt Nam, đảm bảo tính khả thi khi thu thập dữ liệu.

Thứ ba, áp dụng phương pháp thu thập dữ liệu đa dạng. Để có thể đảm bảo việc đánh giá định kỳ và so sánh giữa các địa phương, kinh nghiệm của Cục Thống kê Australia chỉ ra rằng, cần tận dụng những số liệu thống kê định kỳ sẵn có kết hợp với các khảo sát chính thức như điều tra dân số, khảo sát hộ gia đình và các nguồn dữ liệu tin cậy, sẵn có khác nhau đồng thời kết hợp giữa dữ liệu định lượng và định tính để có cái nhìn toàn diện và chính xác về thụ hưởng văn hóa.

Thứ tư, hợp tác liên ngành đảm bảo cho việc đo lường đánh giá thụ hưởng văn hóa. Bài học từ Cục Thống kê Australia về xây dựng chỉ số đánh giá về văn hóa, hay bộ Hội đồng Nghệ thuật Australia với Khảo sát Sự tham gia Nghệ thuật Quốc gia, hay của Vương quốc Anh, UNESCO đều nhấn mạnh tầm quan trọng của sự phối hợp giữa các cơ quan chính phủ, tổ chức văn hóa, các trường đại học, tổ chức nghiên cứu trong việc đo lường đánh giá văn hóa. Đối với Việt Nam, để đánh giá thụ hưởng văn hóa cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa các cơ quan liên quan như Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tổng cục Thống kê, các viện nghiên cứu trong việc xây dựng khung đánh giá, thực hiện đo lường và đánh giá thụ hưởng văn hóa. Thực hiện chính sách đầu tư vào thu thập dữ liệu và nghiên cứu văn hóa, đồng thời tăng cường hợp tác với các tổ chức quốc tế để tiếp cận phương pháp đo lường tiên tiến, đặc biệt trong những đánh giá chuyên sâu về thụ

hưởng các lĩnh vực văn hóa cụ thể trong bối cảnh ứng dụng khoa học công nghệ, nhất là công nghệ số.

### Kết luận

Đo lường và đánh giá mức độ thụ hưởng văn hoá ngày càng nhận được sự quan tâm của các quốc gia trên thế giới. Điều này không chỉ cho thấy các quốc gia nhìn nhận việc nâng cao đời sống văn hoá của người dân như phương thức cải thiện chất lượng cuộc sống mà còn hướng đến sự phát triển bền vững và công bằng trong xã hội. Kinh nghiệm các nước trên thế giới cho thấy, ở phạm vi quốc gia, thụ hưởng văn hoá không được đánh giá một cách riêng biệt, độc lập mà cùng với các chủ đề khác như vai trò của văn hoá đối với sự phát triển bền vững, hay những tác động của văn hoá đối với đời sống xã hội. Thụ hưởng văn hoá được đo lường cả chiều cung về văn hoá, tiêu dùng văn hoá, sáng tạo văn hoá, sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động văn hoá và nghệ thuật. Phương pháp khảo sát định tính và định lượng cùng được sử dụng trong việc đo lường, đánh giá. Những số liệu thống kê giúp duy trì sự đánh giá thường kỳ và cho phép so sánh giữa các địa phương. Các khảo sát được sử dụng nhằm bổ sung những thiếu hụt trong số liệu thống kê, nhất là bổ sung các chỉ báo có tính chất định tính. Nghiên cứu bài học từ kinh nghiệm quốc tế cho thấy, Việt Nam có thể vận dụng khung bộ chỉ số, chỉ báo phù hợp với thực tiễn và phương pháp thu thập dữ liệu, số liệu sẵn có cũng như khảo sát bổ sung nhằm hiện thực hóa việc đo lường và đánh giá thụ hưởng văn hoá của người dân, qua đó góp phần phản ánh tình hình thực hiện các chính sách kinh tế - xã hội cũng như làm cơ sở cho việc điều chỉnh chính sách góp phần thực hiện mục tiêu nâng cao đời sống văn hoá và phát triển bền vững.

**Tài liệu tham khảo**

1. Bennett, T., Carter, D., Gayo, M., Kelly, M., & Noble, G. (2020). *Fields, Capitals, Habitus: Australian Culture, Inequalities and Social Divisions*. Routledge.
2. Bourdieu, P. (1984). A social critique of the judgement of taste. *Traducido Del Francés Por R. Nice. Londres, Routledge*.
3. Bourdieu, P. (1986). The forms of capital. In *Handbook of Theory and Research for the Sociology of Education*. Greenwood.
4. Cultural Action Europe. (2017). Implementing Culture within the Sustainable Development Goals. *The Role of Culture in Agenda, 2030*. <https://cultureactioneurope.org/wp-content/uploads/2019/09/Implementing-Culture-in-Sustainable-Development-Goals-SDGs.pdf>
5. Department for Digital, Culture, Media & Sport. (2020). *Taking Part Survey: 2019/20 Annual Report*. [https://assets.publishing.service.gov.uk/media/5f58c742e90e07146161d46a/Taking\\_Part\\_Technical\\_Report\\_2019\\_20.pdf](https://assets.publishing.service.gov.uk/media/5f58c742e90e07146161d46a/Taking_Part_Technical_Report_2019_20.pdf)
6. ENCC. (2017). *National Survey on Cultural Consumption*. <https://es.unesco.org/creativity/governance/periodic-reports/submission/6887>
7. Ferres, K., Adair, D., Jones, R., & Messenger, C. (2011). *Vital Signs: Cultural Indicators for Australia for consultation*. Cultural Ministers Council. <https://www.arts.gov.au/publications/vital-signs-cultural-indicators-australia-first-edition-consultation-draft-2010>
8. Hồ Chí Minh. (2011). *Hồ Chí Minh: Toàn tập* (Vol. 3). Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia sự thật.
9. Lonergan Research. (2020). *ENRICHING COMMUNITIES: National Arts Participation Survey 2019 – Victoria*. [https://investlodonmallee.com.au/wp-content/uploads/2022/05/CREATIVE-INDUSTRIES-NAPS-Victoria-Report-15\\_07\\_20.pdf](https://investlodonmallee.com.au/wp-content/uploads/2022/05/CREATIVE-INDUSTRIES-NAPS-Victoria-Report-15_07_20.pdf)
10. Nguyễn Phú Trọng. (2021). *Toàn văn bài phát biểu của Tổng Bí thư tại hội nghị văn hóa toàn quốc*. VietNamNet News. <https://vietnamnet.vn/toan-van-bai-phat-bieu-cua-tong-bi-thu-tai-hoi-nghi-van-hoa-toan-quoc-795986.html>
11. Nguyễn Trọng Chuẩn. (2021). Vai trò của nguồn lực văn hóa với quá trình phát triển kinh tế—Xã hội. *Tap chí Công sản*. [https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/van\\_hoa\\_xa\\_hoi?p\\_p\\_auth=kaq9hyE3&p\\_p\\_id=49&p\\_p\\_lifecycle=1&p\\_p\\_state=normal&p\\_p\\_mode=view&\\_49\\_struts\\_action=%2Fmy\\_sites%2Fview&\\_49\\_groupId=20182&\\_49\\_privateLayout=false](https://www.tapchiconsan.org.vn/web/guest/van_hoa_xa_hoi?p_p_auth=kaq9hyE3&p_p_id=49&p_p_lifecycle=1&p_p_state=normal&p_p_mode=view&_49_struts_action=%2Fmy_sites%2Fview&_49_groupId=20182&_49_privateLayout=false)
12. Noble, G., & Ang, I. (2018). Ethnicity and cultural consumption in Australia. *Continuum*, 32(3), 296–307. <https://doi.org/10.1080/10304312.2018.1453464>
13. Pink, M. (2018). Cultural aspects of sustainable development. *Economic and Environmental Studies*, 18(1 (45)), 323–339.
14. Throsby, D. (2010). *The Economics of Cultural Policy*. Cambridge University Press, 2010.
15. UN System Task Team on the Post-2015 UN Development Agenda. (2012). *Culture: A driver and an enabler of sustainable development. Thematic Think Piece*. [https://www.un.org/millenniumgoals/pdf/Think%20Pieces/2\\_culture.pdf](https://www.un.org/millenniumgoals/pdf/Think%20Pieces/2_culture.pdf)
16. UNESCO. (2014). *Culture for development indicators*. UNESCO.
17. UNESCO. (2019). *Culture 2030 Indicator*. UNESCO. <https://whc.unesco.org/en/culture2030indicators>
18. UNESCO Institute of Statistics. (2009). *The 2009 UNESCO Framework for Cultural Statistics*. UNESCO.

19. van Hek, M., & Kraaykamp, G. (2013). Cultural consumption across countries: A multi-level analysis of social inequality in highbrow culture in Europe. *Poetics*, 41(4), 323–341. <https://doi.org/10.1016/j.poetic.2013.05.001>
20. VegheÈ, C. (2020). Cultural Consumption as a Trait of a Sustainable Lifestyle: Evidence from the European Union. *European Journal of Sustainable Development*, 9(4), Article 4. <https://doi.org/10.14207/ejsd.2020.v9n4p125>
21. Vries, G. de. (2020). *Culture in the Sustainable Development Goals: The Role of the European Union*. ifa (Institut für Auslandsbeziehungen). <https://doi.org/10.17901/AKBP1.06.2020>
22. Zheng, X., Wang, R., Hoekstra, A. Y., Krol, M. S., Zhang, Y., Guo, K., Sanwal, M., Sun, Z., Zhu, J., Zhang, J., Lounsbury, A., Pan, X., Guan, D., Hertwich, E. G., & Wang, C. (2021). Consideration of culture is vital if we are to achieve the Sustainable Development Goals. *One Earth*, 4(2), 307–319. <https://doi.org/10.1016/j.oneear.2021.01.012>

---

**Thông tin tác giả:****1. Triệu Thanh Quang, TS.**

- Đơn vị công tác: Viện Nghiên cứu Phát triển bền vùng Vùng

- Địa chỉ email: [trieuthanhquang@gmail.com](mailto:trieuthanhquang@gmail.com)

**2. Phạm Thị Thu Phương, TS.**

- Đơn vị công tác: Viện Nghiên cứu Phát triển bền vùng Vùng

**3. Lê Văn Hùng, TS.**

- Đơn vị công tác: Viện Nghiên cứu Phát triển bền vùng Vùng

**4. Nguyễn Ngọc Trung, TS.**

- Đơn vị công tác: Viện Nghiên cứu Phát triển bền vùng Vùng.

Ngày nhận bài: 04/02/2025

Ngày nhận bản sửa: 02/03/2025

Ngày duyệt đăng: 10/03/2025